

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/KDTM-PT

Ngày 06-02-2023

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trí Dũng

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Thắm

Ông Huỳnh Văn Luật

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Ông Lê Trung Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 18/2022/TLPT-KDTM ngày 05/10/2022 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 21/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐPT-KDTM ngày 14 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn TS; địa chỉ trụ sở: huyện B, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Thái Thanh HZ, sinh năm 1979; địa chỉ: tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 17/11/2022 (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Phạm Đỗ Thùy LZ, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Thái Thanh HZ, Đoàn L tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn CP (nay đổi tên thành Công ty TNHH CP PD). Địa chỉ trụ sở theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Quận X Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Lã Quốc TZ - Chức danh Giám đốc (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Trần Thị CP - Địa chỉ: Quận X Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy ủy quyền ngày 06/02/2023 (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Công ty TNHH CP PD.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 6 năm 2013, các bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Công ty Trách nhiệm hữu hạn TS là ông Thái Thanh HZ trình bày:

Ngày 01 tháng 3 năm 2011, Công ty TNHH Khai thác đá TS (viết tắt là Công ty TS) và Chi nhánh 4 của Công ty TNHH CP nay đổi tên là Công ty TNHH CP PD (Viết tắt là Công ty CP) tại Bình Dương ký hợp đồng mua bán đá học nguyên liệu số 01/HĐNL-2011. Theo hợp đồng, hai bên công ty đã thỏa thuận về phương thức thanh toán và các cam kết trong hợp đồng như sau:

Căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng hàng ngày cuối tháng hai bên tiến hành nghiệm thu tổng hợp khối lượng cả tháng, căn cứ trên biên bản nghiệm thu tổng hợp Công ty TS xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty CP một lần. Công ty CP thanh toán dứt điểm tiền đá nguyên liệu cho Công ty TS trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn. Số tiền chậm trả từ ngày thứ 6 trở đi Công ty CP sẽ phải chịu lãi suất 0,1%/ngày nhưng thời gian chậm trả không được quá 20 ngày kể từ ngày Công ty CP nhận được hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TS. Công ty CP thanh toán cho Công ty TS bằng chuyển khoản. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản ghi trong hợp đồng. Bên nào vi phạm sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho bên kia. Trong quá trình thực hiện nếu gặp khó khăn thì phải thông báo cho nhau để cùng bàn bạc giải quyết, nếu bên nào vì lý do khách quan không thể thực hiện tiếp hợp đồng phải báo trước cho bên kia 15 ngày.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TS đã giao hàng cho Chi nhánh 4 của Công ty CP đúng thỏa thuận và đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Chi nhánh 4 của Công ty CP đầy đủ, đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, đến ngày 01/8/2011 Công ty TS tạm ngưng thực hiện hợp đồng cho đến nay vì Công ty CP đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Trong 03 tháng thực hiện hợp đồng, Công ty TS đã giao hàng và xuất hóa đơn cho Công ty CP cụ thể như sau:

Tháng 3 năm 2011, Công ty TS bán cho Công ty CP khối lượng đá có giá trị thể hiện tại Hóa đơn 9168494 ngày 31/3/2011 với số tiền là 297.875.633 đồng (khoản nợ này Công ty CP đã thanh toán xong).

Tháng 4 năm 2011, Công ty TS bán cho Công ty CP khối lượng đá có giá trị thể hiện tại Hóa đơn 0068609 ngày 29/4/2011 với số tiền là 686.640.330 đồng.

Tháng 5 năm 2011, Công ty TS bán cho Công ty CP khối lượng đá có giá trị thể hiện tại Hóa đơn 0068613 ngày 31/5/2011 với số tiền là 304.722.963 đồng.

Tổng giá trị số tiền đá Công ty TS đã bán cho Công ty CP theo 03 Hóa đơn nêu trên là 1.289.238.926 đồng.

Ngày 30/6/2011, hai bên tiến hành đối chiếu nợ và lập biên bản đối chiếu công nợ phát sinh từ tháng 5/2011 đến hết ngày 30/6/2011 có nội dung cụ thể như sau:

Nợ của Công ty CP trước tháng 5/2011 (tức hóa đơn xuất tháng 4/2011) còn lại: 686.640.330 đồng.

Nợ của Công ty CP phát sinh trong kỳ tháng 5/2011 là 329.365.901 đồng (bao gồm 304.722.963 đồng theo hóa đơn 0068613 xuất ngày 31/5/2011; lãi phát sinh của khoản nợ tháng 4/2011 (686.640.330 đồng) từ ngày 15/5 đến ngày 30/6/2011 là 20.072.094 đồng và lãi phát sinh của khoản nợ tháng 5/2011 (304.722.963 đồng) từ ngày 15/6 đến ngày 30/6/2011 là 4.570.844 đồng).

Tháng 5 năm 2011, Công ty CP đã thanh toán cho Công ty TS số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng.

Tháng 6 năm 2011, Công ty CP đã thanh toán cho Công ty TS số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng.

Tính đến hết ngày 30/6/2011 Công ty CP còn nợ Công ty TS số tiền 716.006.231 đồng.

Tháng 11, Công ty CP đã thanh toán cho Công ty TS số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng.

Như vậy, tính đến ngày 08/5/2013, số tiền nợ gốc theo hai hóa đơn xuất tháng 4 và tháng 5 năm 2011 mà Công ty CP còn nợ Công ty TS là 191.363.293 đồng.

Số tiền lãi chậm thanh toán được tính theo bản sau (lãi suất theo hợp đồng là 0,1%/ngày):

Ngày chứng từ	Nợ gốc (đồng)	Thanh toán (đồng)	Tiền nợ gốc còn lại (đồng)	Lãi đến ngày	Số ngày tính lãi (ngày)	Lãi phát sinh (đồng)	Nợ lũy kế (đồng)
30/6/2011	691.363.293		691.363.293	30/6/2011		24.642.938	716.006.231
			691.363.293	14/11/2011	137	94.716.771	810.723.002

15/11/2011		500.000.000	191.363.293	08/5/2013	540	103.336.178	414.059.180
Cộng						222.695.887	

Vì vậy Công ty TS yêu cầu Tòa án:

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn CP (nay đổi tên thành Công ty TNHH CP PD) phải thanh toán tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 08/5/2013 là 414.059.180 đồng (trong đó, tiền gốc là 191.363.293 đồng, tiền lãi là 222.695.887 đồng) cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn TS.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu Công ty TS trả cho Công ty CP số tiền 114.053.210 đồng thì nguyên đơn không đồng ý bởi vì bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình.

- Theo Đơn phản tố đề ngày 26 tháng 9 năm 2013, các Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án ý kiến Công ty CP như sau:

Công ty CP thống nhất với phần trình bày của Công ty TS về việc ký kết và nội dung Hợp đồng mua bán đá học nguyên liệu số 01/HĐNL-2011 ngày 01/3/2011 giữa Công ty TS và Chi nhánh 4 của Công ty CP tại Bình Dương.

Hai bên đã thực hiện đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng đến ngày 31/5/2011. Đến tháng 6/2011, Công ty TS ngưng không cung cấp đá cho Công ty CP theo thỏa thuận của hợp đồng nêu trên. Đầu tháng 7/2011 Công ty TS giao mỏ đá (là nơi thực hiện, cung cấp đá theo thỏa thuận trong hợp đồng) cho cổ đông khác.

Ngày 30/6/2011 Công ty TS có gửi cho Công ty CP bản đối chiếu công nợ trong đó có ghi số nợ cuối kỳ Công ty CP còn nợ Công ty TS là 691.363.293 đồng và tiền lãi 24.642.930 đồng, Công ty CP chưa đồng ý với số nợ trên mà chỉ xác nhận tạm tính đối với số nợ trên và đồng thời đề nghị Công ty TS xem xét lại về khối lượng và giá cả của đá vàng để trừ vào đợt nhận hàng tiếp, nhưng sau đó Công ty TS ngưng việc giao đá theo hợp đồng, hai bên không ngồi lại để tiếp tục đối chiếu công nợ.

Ngày 17/10/2012 Công ty CP có văn bản yêu cầu Công ty TS đối chiếu công nợ và việc cản trừ tiền đá vàng và tiền điện nhưng Công ty TS không thực hiện.

Công ty CP không đồng ý còn nợ Công ty TS số tiền gốc 191.363.293 đồng bởi các lý do như sau:

Công ty TS dùng điện của Công ty CP từ tháng 3/2011 đến cuối tháng 12/2011 nhưng không thanh toán, Công ty CP phải thanh toán cho Điện lực Tân Uyên số tiền 89.185.805 đồng, Công ty TS lấy tiền mặt của Công ty CP để đóng tiền điện rạp máy xay đá số tiền 11.700.000 đồng.

Công ty TS hứa bù cho Công ty CP 12 xe đá vì Công ty TS giao đá kém chất lượng nhưng Công ty TS không bù thêm cho Công ty CP đá như đã hứa.

Bình quân khi giao đá mỗi xe có khối lượng $10,6\text{m}^3$; $12 \text{ xe đá} \times 10,6\text{m}^3 = 127,2\text{m}^3 \times \text{giá } 43.800 \text{ đồng/m}^3 = 5.571.360 \text{ đồng}$.

Công ty TS phải thanh toán tiền xe vận chuyển nhưng Công ty TS lấy tiền mặt của Công ty CP 2.000.000 đồng để thanh toán tiền xe nhưng chưa trả lại cho Công ty CP;

Công ty TS giao đá phong hóa (đá vàng kém chất lượng) cho Công ty CP nhưng không trừ số tiền này ra: Tổng khối lượng đá Công ty TS giao là $1.398,9\text{m}^3$ vận chuyển 132 xe (tính bình quân $10,6\text{m}^3/\text{xe}$), mỗi xe đá kém chất lượng giảm 4.000 đồng/m^3 như vậy số tiền Công ty TS phải trừ do giao đá kém chất lượng cho Công ty CP là $1.398,9\text{m}^3 \times 4.000 \text{ đồng/m}^3 = 5.596.000 \text{ đồng}$.

Như vậy tổng số tiền Công ty TS phải thanh toán cho Công ty CP là 114.053.210 đồng.

Ngày 26/9/2013, Công ty CP đã có đơn yêu cầu phản tố đối với Công ty TS yêu cầu Tòa án buộc Công ty TS phải hoàn trả cho Công ty CP số tiền 114.053.210 đồng.

Công ty CP không đồng ý trả số tiền lãi 222.695.887 đồng vì Công ty CP đã yêu cầu Công ty TS đối chiếu công nợ để thanh toán tiền nhưng Công ty TS không đồng ý. Hơn nữa, Công ty TS tự ý đơn phương chấm dứt hợp đồng với Công ty CP trước, Công ty CP không vi phạm hợp đồng nên không đồng ý thanh toán khoản tiền lãi trên cho Công ty TS.

Ngày 24/10/2017, bà Trần Thị C là Phó Giám đốc Công ty CP có đơn xin hoãn phiên tòa gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang với lý do người đại diện theo pháp luật vắng mặt để điều trị bệnh. Tuy nhiên, từ đó đến nay, đại diện hợp pháp của Công ty CP đã được Tòa án thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang và Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia các buổi làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng đại diện hợp pháp của Công ty CP đều vắng mặt không có lý do.

Bản án sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 21/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện B đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Khai thác đá TS về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa đối với bị đơn Công ty TNHH CP (nay đổi tên thành Công ty TNHH CP PD).

Buộc Công ty TNHH CP (nay đổi tên thành Công ty TNHH CP PD) trả cho Công ty TNHH Khai thác đá TS số tiền nợ gốc là 191.363.293 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán là 222.695.887 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải

chịu mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của Công ty TNHH CP (nay đổi tên thành Công ty TNHH CP PD) đối với yêu cầu Công ty TNHH Khai thác đá TS trả số tiền 114.053.210 đồng.

Công ty TNHH CP (nay đổi tên thành Công ty TNHH CP PD) có quyền khởi kiện lại yêu cầu trên theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quy định về thi hành án.

Ngày 21/4/2022, bị đơn Công ty CP PD có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến của đại diện bị đơn: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện nguyên đơn: Không chấp nhận kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Nguyên đơn cung cấp được Biên bản nghiệm thu thanh toán tháng 3, 4, 5 và các hóa đơn giá trị gia tăng, Biên bản đối chiếu công nợ từ ngày 01/5/2011 đến ngày 30/6/2011. Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty CP trả lại tiền cho Công ty TS là có căn cứ. Đối với việc tính lãi suất là phù hợp, có lợi cho bị đơn. Về yêu cầu phản tố, Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không lý do chính đáng thì bị coi là từ bỏ yêu cầu phản tố, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu phản tố là đúng pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Luật sư Phạm Đỗ Thùy LZ vắng mặt nhưng người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn ông Thái Thanh HZ xác định không còn yêu cầu Luật sư Phạm Đỗ Thùy LZ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ngày 21/4/2022, bị đơn Công ty CP có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 21/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện B. Ngày 28/6/2022, Tòa án tỉnh Bình Dương có Quyết định số 03/2022/QĐ-PT chấp nhận kháng cáo quá hạn của bị đơn. Bị đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm và bổ sung Đơn kháng cáo ngày 02/02/2023 do ông Lã Quốc TZ (là người đại diện theo pháp luật hiện nay của bị đơn) ký tên, đóng dấu công ty. Vì vậy, thủ tục kháng cáo của bị đơn là phù hợp quy định.

[2] Về xác định tư cách đương sự : Theo nội dung Công văn số 9375/ĐKKD-T6 ngày 28/11/2020 của Phòng Đ thuộc Sở K Thành phố Hồ Chí Minh xác định Công ty CP đã đổi tên thành Công ty CP PD và hiện nay Công ty CP PD chưa đăng ký giải thể nên Tòa án nhân dân huyện B xác định Công ty CP PD có tư cách bị đơn trong vụ án là có căn cứ.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 23/3/2020 thì người đại diện theo pháp luật của công ty là bà Đoàn Ngọc C, chức danh Giám đốc và ông Huỳnh Thành H, chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 16 ngày 12/4/2022, bị đơn đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật thành ông Huỳnh Thành H (Chủ tịch Hội đồng thành viên) và bà Trần Thị CP (Giám đốc).

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 ngày 09/6/2022, bị đơn đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật thành ông Nguyễn Lương Ngọc P (giám đốc).

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 18 ngày 28/12/2022, bị đơn đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật thành ông Lã Quốc TZ (giám đốc).

Xét tại thời điểm Tòa án nhân dân huyện B thụ lý và xét xử thì bà Đoàn Ngọc C và ông Huỳnh Thành H đang là người đại diện theo pháp luật của bị đơn nên Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt các văn bản tố tụng tại địa chỉ của bà C, ông H và địa chỉ trụ sở Công ty CP PD tại: Quận X - Thành phố Hồ Chí Minh, có xác nhận của chính quyền địa phương là phù hợp pháp luật. Bà C từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án và đại diện bị đơn không tham gia tố tụng theo giấy triệu tập. Vì vậy, bị đơn kháng cáo cho rằng Tòa án không tổng đạt cho bà Trần Thị CP giám đốc công ty và không tổng đạt văn bản tố tụng tại địa chỉ công ty là không phù hợp nên không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, thời điểm này bà P chưa được bị đơn đăng ký làm người đại diện theo pháp luật.

[3] Công ty TS khởi kiện yêu cầu Công ty CP trả lại tiền theo Hợp đồng mua bán đá học nguyên liệu đã ký kết giữa hai công ty. Hợp đồng này được thực hiện tại ấp 2, xã Thường Tân, huyện B, tỉnh Bình Dương. Nguyên đơn đã nộp đơn khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện B thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[4] Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất về nội dung Hợp đồng mua bán đá học nguyên liệu số 01/HĐ-ĐNL-2011 ngày 01/3/2011. Công ty TS đã giao hàng hóa và xuất hóa đơn giá trị gia tăng hàng tháng, Công ty CP đã thanh toán còn lại hóa đơn giá trị gia tăng của tháng 4 và tháng 5 năm 2011 thì phát sinh tranh chấp. Trong đó, hóa đơn giá trị gia tăng số 0068609 ngày 29/4/2011 và số 0068613 ngày 31/5/2011 có tổng giá trị: 686.640.330 đồng + 304.722.963 đồng = 991.363.293 đồng. Công ty CP đã thanh toán cho Công ty TS tổng số tiền 800.000.000 đồng, còn lại số tiền 191.000.000 đồng chưa thanh toán. Xét thấy, những tình tiết, sự kiện trên các đương sự đều thừa nhận nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do nguyên đơn giao đá phong hóa (đá vàng kém chất lượng), Công ty TS hứa bù 12 xe đá nhưng không thực hiện và còn nợ tiền điện do sử dụng nhờ của Công ty CP từ tháng 3/2011 đến cuối tháng 12/2011 nên có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

Xét theo Điều II Hợp đồng số 01/HĐ-ĐNL-2011 ngày 01/3/2011 quy định Công ty CP được cử người nghiệm thu từng xe đá để đảm bảo đúng khối lượng và chất lượng hai bên đã thống nhất. Bị đơn cho rằng nguyên đơn giao đá kém chất lượng nhưng không cung cấp được biên bản nghiệm thu chứng minh cho lời trình bày của mình. Ngược lại nguyên đơn cung cấp chứng cứ là hai Biên bản nghiệm thu thanh toán khối lượng đá nguyên liệu của tháng 04/2011 trị giá 686.640.330 đồng và tháng 5/2011 trị giá 304.722.963 đồng do bà Trần Thị CP giám đốc Công ty CP ký, làm căn cứ cho Công ty TS xuất hai hóa đơn giá trị gia tăng nêu trên. Đơn giá trong hai Biên bản nghiệm thu thanh toán nêu trên được hai bên thỏa thuận là 53.818 đ/m³ đối với đá nguyên liệu và 53.636 đ/m³ đối với đá nguyên liệu vàng. Xét đơn giá khi hai bên nghiệm thu tính tiền trong tháng 4, 5/2011 là thấp hơn so với Hợp đồng số 01/HĐ-ĐNL-2011 quy định và có sự phân định rõ giữa đá nguyên liệu vàng với đá nguyên liệu theo hợp đồng (do đá vàng kém chất lượng hơn nên giá thấp hơn). Vì vậy, có cơ sở để chứng minh bị đơn đã biết chất lượng hàng hóa và đã thống nhất với nguyên đơn số lượng, giá trị từng loại đá tương ứng với chất lượng khi nguyên đơn giao nên bị đơn yêu cầu giảm thêm 4.000 đ/m³ vì cho rằng hàng kém chất lượng là không có căn cứ chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số nợ 191.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là phù hợp, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

[6] Công ty CP có đơn yêu cầu phản tố ngày 26/9/2013 đối với Công ty TS yêu cầu Tòa án buộc Công ty TS phải hoàn trả cho Công ty CP số tiền 114.053.210 đồng gồm tiền điện 89.185.805 đồng, tiền Công ty TS lấy của Công ty CP để đóng tiền điện ráp máy xay đá với số tiền 11.700.000 đồng, tiền 12 xe

đá Công ty TS hứa bù do giao đá kém chất lượng với số tiền 5.571.360 đồng, tiền xe vận chuyển 2.000.000 đồng, tiền khấu trừ do giao đá kém chất lượng 5.596.000 đồng.

Công ty CP đã được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng thì bị coi là từ bỏ yêu cầu phản tố nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu phản tố của Công ty CP là có căn cứ. Công ty CP có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu phản tố đó theo quy định của pháp luật.

[7] Từ những cơ sở nhận định nêu trên, xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận, quan điểm của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

[8] Về án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Bị đơn phải chịu do giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91, 92, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH CP PD.

2. Giữ nguyên Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 21/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương như sau:

2.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Khai thác đá TS về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa đối với bị đơn Công ty TNHH CP (nay đổi tên thành Công ty TNHH CP PD).

Buộc Công ty TNHH CP (nay đổi tên thành Công ty TNHH CP PD) trả cho Công ty TNHH Khai thác đá TS số tiền nợ gốc là 191.363.293 và tiền lãi do chậm thanh toán là 222.695.887 đồng, tổng cộng là 414.059.180 (bốn trăm mười bốn triệu không trăm năm mươi chín nghìn một trăm tám mươi) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2.2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của Công ty TNHH CP (nay đổi tên thành Công ty TNHH CP PD) đối với yêu cầu Công ty TNHH Khai thác đá TS trả số tiền 114.053.210 (một trăm mười bốn triệu không trăm năm mươi ba nghìn hai trăm mười) đồng.

Công ty TNHH CP (nay đổi tên thành Công ty TNHH CP PD) có quyền khởi kiện lại yêu cầu trên theo quy định của pháp luật.

2.3 Án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH CP (nay đổi tên thành Công ty TNHH CP PD) phải chịu số tiền 20.562.367 (hai mươi triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn ba trăm sáu mươi bảy) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Sung vào công quỹ Nhà nước số tiền 2.852.000 (hai triệu tám trăm năm mươi hai ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/04322 ngày 16/10/2013 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Uyên (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương.

- Trả cho Công ty TNHH khai thác đá TS số tiền 10.280.000 (mười triệu hai trăm tám mươi ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã thu theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AB/2010/00935 ngày 11/6/2013 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Uyên (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương.

3. Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH CP PD phải chịu 2.000.000 đồng, được khấu trừ toàn bộ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 (hai triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010055 ngày 19/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân huyện B;
- Chi cục Thi hành án huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa KT, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phan Trí Dũng